**Mark Cooper**

**Thời gian của bản sao kilopod hình côn trùng khác nhau.**

**Mark Cooper**

**Thời gian của bản sao kilopod hình côn trùng khác nhau.**

**Tai nạn cuộc sống**

Nhà văn sinh ra ở Oxford, Anh. Ông học tại Damilin, Bram Fontaine và nhận bằng cử nhân khoa học từ Vittorsrand và Đại học Cape Town. Ông là một nhà tự nhiên học chuyên nghiệp đã đăng ký, người đã xuất bản 80 bài báo, 7 phút, cuộc họp, 9 cuốn sách và 2 bài báo.

**Chủ đề**

**Thay đổi chiều dài sinh sản của kilopod như côn trùng ... 8-42**

**Mark Cooper** 1-4.

1 Khoa Thực vật học, Công viên Auckland, Đại học Johannesburg, Nam Phi, 2092.

2 Khoa Động vật, Thực vật và Môi trường, Đại học Whitwatersrand, Johannesburg, 2050 Nam Phi

3 Khoa Khoa học Sinh học, Đại học Cape Town Lindbees, Nam Phi 7701

Khoa Thực vật học và Động vật học, Đại học Mittilan, 7602 Nam Phi

Thời gian của bản sao trừu tượng là câu trả lời cho cuộc thi tinh trùng. Trong số nhiều yếu tố trong thời kỳ giao phối chân, tôi đã nghiên cứu những thay đổi về thời gian kết hợp côn trùng trong tắc nghẽn. Giả định trống rỗng là chăn nuôi trung bình và độ lệch chuẩn không phụ thuộc vào thời đại giao phối. Thời gian của bản sao và độ lệch chuẩn của 11 kg đậu đến từ văn học. (R = 0,8824, R2 = 0,8824, N = 11,P = 0,000323) Phạm vi từ Carlos Trapptus (New Mexico) (33,8±22,9 phút) đến Dolatogons (Aloepolis) không senatis (màu vàng) (205,8±60,8 phút, bao gồm ba. Kích thước con đực có liên quan đến độ lệch chuẩn của thời gian, nhân giống savanaclowatt. (R =0,9337, R 2 = 0,8718,N = 8,P = 0,000693) Không có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ về hệ số (Z-0,07997498, N-8,8, P-0, 93625715). Những thay đổi trong thời kỳ giao phối được định nghĩa là những thay đổi liên quan đến cường độ tinh trùng.

Từ khóa: Sự khác biệt, Nữ, Nam phù hợp, Kích thước, Tinh trùng

**1 Giới thiệu**

Mô hình và giải quyết xung đột tình dục là mâu thuẫn trong sự phát triển của hệ thống nhân giống côn trùng và nhện. Đàn ông thường được hưởng lợi từ quá nhiều nghiên cứu, trong khi phụ nữ nhận được các chi phí liên quan, theo Giáo hội Chính thống. Hầu hết các lợi ích mà nam giới thu thập đều giống như những lợi ích có sẵn bằng cách cung cấp giao phối lớn hơn (ví dụ: tăng số lượng mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái (Stockley 1997) và những ý tưởng mới về lý do tại sao phụ nữ sống với nam giới và duy trì một thời gian dài tiếp xúc với tình dục.

Để xác định đầy đủ hành vi của phụ nữ, cần nghiên cứu quan điểm của người đàn ông. Trước khi bị ràng buộc lâu dài, đã có một sự điều chỉnh hành vi có lợi cho nam giới bằng cách giảm cạnh tranh tinh trùng (Parker 1970), một chi phí giảm về việc tăng mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái sau một thời gian ngắn để tìm và làm phân xanh phụ nữ, giảm tỷ lệ sinh sản, tăng thời gian ăn cho động vật ăn thịt hoặc giảm tỷ lệ sống sót do giảm khả năng tránh kẻ săn mồi Họ đã làm thế.

Thời gian của bản sao là phản ứng với cuộc đua tinh trùng (Kelly và Gyanon, 2016), thụ tinh, thụ tinh, trứng / sản xuất và cung cấp một tỷ lệ cha mẹ và con cái (Micholický A,2000: Zhong Haihua, 2013; Koper, 2015; 10:30 A.m.m .m. Có một số yếu tố quyết định trong thời gian kết hợp ở động vật chân đốt, chẳng hạn như thời gian thụ tinh, phụ thuộc vào kích thước của tinh trùng và sự đồng hóa của dương vật trong trường hợp chuyển tinh trùng gián tiếp.

Thời gian giao phối tốt nhất phụ thuộc vào kích thước của nam và nữ (Chen và Parker, 1995: Koper 2020; Parker và Symans, 1994; Parker và P, 1999) Thời gian tùy thuộc vào kích thước và ruồi, ruồi, trái cây Là cha mẹ *với Mesugast (La* Frank và Bendegard, 2004), *Scorpio Flyz (Panupa Brandi)* (Angqist, 2003), Spider (Elgar, Elgar, 2004). 1995), Skelton Capra Pentes (Taxita và Hemi), 2010), Rotan Matt Battle Paedofel USA *(Nox* &amp; Scott, 2006), Webb Spider (Brent, 20 03), Thous And Foot Cactus *(Coper,* 2020) và Yellow Dingfly (Parker, 1974: Graphene và Ridley, 1984) Alcook, 1994; Arnquest và Danielson, 1999.

Trong kilopods như côn trùng, cả con đực và con cái đã phát triển các đặc tính hình thái giúp thúc đẩy và chống lại giao phối. Các hành vi tình dục khác nhau của nam giới được sử dụng để giữ miếng đệm của phụ nữ và có các hành vi tình dục khác nhau có thể bắt người phụ nữ ở phía trước (Koper 2020), phụ nữ bị chích vào cột sống có thể đóng một vai trò trong việc loại bỏ đàn ông khỏi tinh trùng (Koper 2020) và được biết đến như là liên quan đến cả "từ chối" và bất ổn (Tadler 1993). Vấn đề sinh sản của kilopod giữa các loài và quần thể tiếp tục thường xuyên và xem xét sự khác biệt cụ thể trong thời kỳ giao phối ở Berquitz-Fort Worth 1988, Tailford và Harrington 1990, Barnett 1997) và xung đột giữa nam và nữ khi kết thúc sự kết hợp. Trong khi con đực có thể kiểm soát thời gian sinh sản nhất định (Taelford và Dangerfield 1994), xung đột lợi ích có thể phát sinh. Giả định xung đột lợi ích giả định rằng đây là một thời điểm khác khi giao phối nữ sẽ "từ bỏ" trước khi nó trở nên đắt đỏ: (3) Kiểm tra độ dài của sự kết hợp liên quan đến kích thước của nam và nữ. Một dự đoán là các loài giao phối dài có sự kết hợp tích cực theo xếp hạng kích thước (Ridley 1989).

Ở đây tôi nghiên cứu mùa sinh sản và những thay đổi trong thời kỳ sinh sản của mèo. (Koper, 2020; Talford và Heringfield, 1993) Trong kilobeans, thời gian giao phối xác định sở thích tinh trùng, thời gian tinh trùng, sở thích và thời gian giao phối (Coper, 1998, 2014-2020). Đầu tiên, tôi đã được tính toán 11 kW cho những thay đổi cụ thể trong mùa sinh sản và so sánh các địa điểm thử nghiệm độc lập thực hiện các thay đổi trong chăn nuôi và nhân giống của các khái niệm trống.

**2 Vật liệu và phương pháp**

Những thay đổi trong thời kỳ trộn 11 kg các loại đậu (đường kính tiêu chuẩn và độ lệch) có nguồn gốc từ văn học (Talford và Harrington, 1993): Đồng, 2020), khi thời hạn của đảng Cộng hòa http://www.socscistatistics.com/tests/pearson/default2.aspx và độ lệch chuẩn cần thiết để so sánh sự nhân lên của mối tương quan http://www.danielsoper.com/statcalc/calculator.aspx?id=104.

**3 Kết quả**

Thời lượng của tổ hợp (giá trị X) có liên quan chặt chẽ với độ lệch chuẩn của thời lượng của tổ hợp trong Nam A (Q)(Q)(Mẫu1:R-0). (Tân Mexico) (33.8±22.) 9 phút) *đến Dolatognus* (-Aluporus) *Nasinatus* (vàng) (205,8±60,8 phút), bao gồm xương *rồng* *(Netreno* *Ruby* *Anas).*  Giống hoang dã đến Triju Kích thước con đực được liên kết với mô hình nhân giống tiêu chuẩn của savana Kiwi dài (hình 3: 0,9337 đến R: R2 của 0,8718, 8 với N, 0,000693), không có sự khác biệt đáng kể trong sự hợp tác lẫn nhau giữa nam và nữ (Z-07997498, N-8.8, p-0, 9365).



**Có một mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa kỷ nguyên giao phối**(giá trị X) và độ lệch chuẩn (giá trị Y) cho gabon của Nam Phi.



**Hình** 2: Mối quan hệ giữa kích thước (giá trị X) của phụ nữ trong savanas Nam Phi và thời lượng (giá trị) của sự kết hợp tiêu chuẩn



**Hình 3: Mối quan hệ giữa độ lệch kích thước** cơ thể nam tiêu chuẩn (giá trị X) và thời gian kết hợp (giá trị U) bằng vàng Nam Phi

**4 Tranh luận**

Để làm cho một trong hàng ngàn người đàn ông phát triển, anh ta bắt đầu gặp gỡ, đi từ phía sau đến nữ và di chuyển về phía đầu cô với mức độ cơ thể. Chủ đề về danh tính của các đối tác và động cơ của hành vi liên quan đã không tồn tại và quan sát sự tiến hóa của những người đàn ông và phụ nữ khác nhau trong giai đoạn đầu sinh sản khi đi bộ thoải mái (Talford và Dangerfield 1993). Lợi ích (Traverse 1972, Parker 1979), nên được thực hiện thông qua các cuộn nữ cắt trước để ngăn chặn đàn ông được đối xử như những kẻ săn mồi bị thương (Hawker và Futures 1970). Magopadhya Saha 1981) được coi là một bài kiểm tra về sức khỏe nam giới hoặc hoạt động thể chất, vì đàn ông khỏe mạnh có thể hiểu cuộn phụ nữ (Tadler 1996B), một cách khác là tránh các trường hợp lựa chọn chuyển giới là lựa chọn của phụ nữ không phù hợp, bởi vì chọn đối tác là một tác dụng phụ chứ không phải là mục tiêu cuối cùng của việc trục xuất phụ nữ (CFWater Walker Grace Odongogist Economist 1992) hoặc nó có thể linh hoạt vì các cặp vợ chồng nữ có thể đắt tiền và có hại (tiếp theo là 1978).

Nỗi ám ảnh với đàn ông và phụ nữ có thể được hiểu là "bẫy cảm giác" (West Eberhard 1983, Christie's 1995), cố gắng mở phụ nữ như những kẻ săn mồi. Dù bằng cách nào, sự hiện diện của đàn ông có dẫn đến sự thay đổi về tình trạng tinh thần. "Những thay đổi chung về thể chất trong thuốc giao phối nữ không đặc biệt phụ thuộc vào nam giới" (Alexander và Đại tá, 1997).

Có thể có hai lý do tại sao phụ nữ lớn tuổi có thể chịu đựng lượng dài hơn. Phụ nữ lớn tuổi kiểm tra giao phối theo thời gian và hưởng lợi từ khả năng sinh sản và khả năng sinh sản tốt hơn. Điều này có thể đạt được bằng cách tăng việc sử dụng hoa đỗ quyên hoặc các chất dinh dưỡng khác do nam giới sản xuất: mối quan hệ giữa lượng bài tiết hoặc lợi ích chất kích thích và thời gian kết hợp (Đồng 1998), hoặc có lẽ con đực thích kiểm soát thời kỳ giao phối, vì vậy chúng độc quyền cho phụ nữ lớn tuổi và lớn tuổi, làm tăng khả năng nuôi dạy con cái tối đa Là. Mặc dù việc nhân giống clorua có thể được kiểm soát bởi nam giới (Taelford và Dangerfield 1996B), có vẻ như các cá nhân có thể ước tính kích thước của các đối tác tiềm năng do bản chất của vụ việc.

Trong trường hợp các thế hệ sinh sản cường độ thấp. Thời gian sinh sản thấp nhất được ghi nhận: như ở các loài khác của Juliet Teigt (Taelford và Dangerfield 1990A, b), người ta cho rằng sự khác biệt về khí hậu của gốc cây là ở cường độ quá tải của các loài tinh trùng. Sulitaire lâu dài là một hình thức chích xã hội, tôi cảm thấy như một nghiêng hài hòa bắt phía sau đầu, tổ chức thời kỳ gốc cây (sinhal và alcook 1983) ở phụ nữ Làm, kết hợp dài (phút) liên quan đến việc loại bỏ tinh trùng, trong khi một sự kết hợp ngắn (thứ hai) liên quan đến việc chuyển tinh trùng (xám, nước trái cây và zubacci 1994).

Mặc dù không có mối liên hệ chung giữa các thủ tục bảo vệ tinh trùng và thời kỳ giao *phối,* nhưng những điểm tương đồng với cấu trúc tình dục có thể chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ trong các phân loại không liên quan đến di truyền thực vật.

Chuyển động tích cực của antina trên đầu con cái trong quá trình giao phối cho thấy nó đóng một vai trò trong rủi ro. Nếu võng mạc nam lớn hơn võng mạc nữ và có sự bất bình đẳng về rung động (tức là khu vực này là khu vực cụ thể nhất do đầu hình trụ dài của con lăn. Việc thải các tuyến chuyển từ nam sang nữ trong quá trình giao phối có thể được coi là đầu tư gián tiếp vào mối quan hệ giữa cha và con trai. Trừ khi hàm lượng hóa chất của chất và tác dụng dinh dưỡng của nó được xác định.

Người đàn ông bị cô lập tình dục gặp một cặp vợ chồng cố gắng quay lưng lại với một người phụ nữ ở Copra, nhưng sớm cho lá mè và sản xuất "bộ ba" ở châu chấu. Trong một cặp vợ chồng (Clackendale 1984), đàn ông thích chiến thuật của người phụ nữ đầu tiên mà họ phải đối mặt bởi vì khi quan hệ tình dục (OSR) làm phiền đàn ông, tần suất tiếp xúc với phụ nữ độc thân giảm (Tailford và Danderfield 1996),  *hành vi này Nhưng người ccluster không được* xem xét vì sự cạnh tranh thấp liên quan đến Chiến lược nhân giống thay thế (Krebs và Dawes 1987), cho thấy rằng khi mật độ dân số và DSOs được tạo ra vì lợi ích của nam giới, tất cả đàn ông đều tham gia chiến lược.

Các hình thức khác nhau của thời kỳ giao phối được hiển thị trong clopods côn trùng, đặc biệt là ở các *loài caenterobolus, cho* thấy sự cạnh tranh dần dần của tinh trùng ở mức cao nhất đã tiến hóa trong bao lâu. (Tiếng Symans 1991)

Xu hướng mới là các chiến lược chăn nuôi cho nam giới và phụ nữ mang tính thẩm mỹ và linh hoạt hơn vì xung đột lợi ích. Chiến thuật nam thân mến bao gồm khả năng giành chiến thắng trong chiến đấu trước khi lưu thông, các loài cuộn dây - cả song song, thời gian phát triển giao phối và làm cổ áo tình dục có thể nhìn thấy. Rõ ràng, đó chỉ là một vài insodium, rõ ràng, chúng ta không biết đủ về những gì vật chất làm trong các kết hợp dài. Các mô hình hành vi đã nêu bây giờ có thể được kết hợp với hình thái của chi để cung cấp nền tảng cho các phần sau để kiểm tra kết quả giao phối lâu dài ở phụ nữ.

Kích thước của nam và nữ dường như có liên quan đến thời kỳ giao phối và độ lệch chuẩn. Ngoài ra, những thay đổi trong quá trình giao phối có thể liên quan đến cường độ tinh trùng trong dân số. Tôi thấy rằng độ dài của sự kết hợp khác nhau giữa *bolus.* Chiều dài sinh sản trung bình cụ thể cho từng loài khác nhau (đồng, 2020) là cần thiết cho việc chuyển tinh trùng (asis và filmer, 2019), nếu sự khác biệt này ở một mức độ nào đó, thời gian điều trị khác với sự phù hợp của người phụ nữ là nam giới Đưa ra một hình thức ngày càng tăng của "bảo vệ kép": Bằng cách tạo ra sức đề kháng từ phụ nữ, nam giới tiếp tục sử dụng tinh trùng chỉ cho con cái của Nữ hoàng và giảm khả năng phụ nữ sẽ được phân hủy bởi các đối thủ cạnh tranh (mazi vv, 2009).

Một liên kết quan trọng giữa thời gian giao phối, thời gian và kích thước của giao phối được tìm thấy trong rừng và phòng xông hơi khô, đối diện về kích thước và mùa sinh sản của kilobeans hoang dã (Coper, 2020). Thời gian nhân rộng và thay đổi có liên quan trực tiếp và sự gia tăng kích thước cơ thể ở cả hai giới đã chỉ ra rằng đua tinh trùng và xung đột lợi ích cũng đã tăng lên theo kích thước cơ thể.

Một số nghiên cứu của Milanophile Hemophilia (Lafranc và Bundgard, 2004) không tìm thấy sự khác biệt trong thời kỳ giao phối giữa nam và nữ trong một số nghiên cứu của Melinan Hemophilia S. Tarara.  Các milllip giống như nhện, có thời gian giao phối liên quan đến những thay đổi cụ thể về kích thước, và cũng được tìm thấy ở bọ cạp. *Tuy nhiên,* các nghiên cứu đã chỉ ra rằng thời gian của sự kết hợp là như nhau trong cơ thể và milimet. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của kích thước cơ thể để bảo vệ đối tác, ví dụ, trong trường hợp keponight tôm, có kích thước cơ thể nam giới là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến việc chấp nhận cạnh tranh nữ (Takeshita và Henmey, 2010), như Botox (bác sĩ nhi khoa người Mỹ), thành công của việc bảo vệ đàn ông trong hàng ngàn mét côn trùng, tùy thuộc vào kích thước của nam giới, ngoài tầm quan trọng của kích thước nữ theo tỷ lệ phẫu thuật (nox và scott). Những nỗ lực loại bỏ nhện trực tuyến cho thấy con đực lớn có lợi thế rõ ràng trong sự độc quyền của nhện cái. Kích thước tương đối của mỗi loài được coi là có liên quan trong việc xác định thời kỳ kết hợp (Koper, 2020).

**Là**

Adolf ASC, Magbo Tropical *Millipedo "Nesudsmus Paphos" (Peters)* Bảo vệ sinh sản, Thành công sinh sản và Loại cơ thể (Poly-Demida: Plath Hasid) Tây Nam, 40 (1): 56-61

Alcook J, 1994. Sau khi tăng cường tiếp xúc giữa nam và nữ trong côn trùng: các giả định được thu thập bởi lính canh, đánh giá côn trùng hàng năm, 39 (1): 1 - 21

Bogya ji, 1979 Alexander's de origin và thành hệ nam và nữ dựa trên lựa chọn giới tính côn trùng và cạnh tranh sinh sản (Bloom MF và Bloom Na), 414-440.

Arnqist G. Danielson 1999 Lựa chọn giới tính sau sinh: Kích thước cơ thể nam giới và hiệu ứng thời gian phục hồi chức năng, mối quan hệ giữa cha mẹ và trẻ em trong đường thủy và môi trường hành vi sản xuất trứng, 10 (4): 358-365

Asis Ba, Filmer M 2019. Sinh thái học hành vi và sinh học xã hội, 73 (9): 117

Barnett M., 1997. Nam Phi, với hàng ngàn đối tượng: cơ chế cạnh tranh tinh trùng và sự lựa chọn của phụ nữ bí ẩn. Khoảng cách. Đại học Cape Town, Nam Phi

Pháo đài Worth M. của Berkovitz, 1988. รุ่ là một thị trấn của tỉnh Jura, thuộc vùng Champagne-Ardenne ở phía bắc miền trung nước Pháp.

Chen El Parker Ga năm 1995. Năm 1990, ông là giáo sư vào những năm 1970.

Чой Джейк Креспе BJ 1997 Hệ thống giao phối côn trùng Vαvoj và aaraquinoid Кембриджський унверситет Преса

Cooper M 1998 Centri so với Mini Five Million. Châu Phi Deojad 52 (5): 30-31

Những thay đổi bộ lạc trong trái tim của đầu bếp (Depolopada: Pacipolda) Bằng thạc sĩ của Đại học Cape Town trong rừng rậm Nam Phi

Copper Mi, Tilford Once có mảnh vụn trong Guild Beetle, nhật ký hành vi gây hại 13:217-230 https://doi.org/10.1023/A:1007736214299

Seristh (Diplopoda: Pachibolida) Chặng 3 (4): Tỷ lệ giới tính trong 174-176, tần suất sinh sản và độ cứng tương đối của clodiore tỷ lệ

Mất nước giới tính, quy mô và bằng chứng của chính phủ Của Renshaw Cairsitus Chiputle (Diplopoda: Piculida) J. Natmore Zal-Sted 2014; 2 (6):264-266.

Trận đấu được lấy cảm hứng từ một số biện pháp đối phó, Jay Natmore Zoo St3 (4): 77-78.

Купер MI 2015. Nhà nước Rod Caesar (Depolopoda: Tragoniuliada) проти Gonopode. Sở thú J Natmore Sat3 (4): 235-238.DOI: 10.22271/JN2.2015.V 3.I4 D.573

Trung tâm Bolivia J. Natmore Zoo Satd 4 (1): Quan sát việc lưu trữ tinh trùng và mô hình trứng trong 127-129.

Phối hợp tiếp nhận trên teuts (Spiro Bologna: Tragoni Olida) International J. Ntomore Race 1 (2): 14 - 15

Xác nhận của bốn Borussia Cooks chính (Sparrow Bolida: Olida Tragoni) dựa trên bản cập nhật quốc tế của Gonnopod J Natmore Race 1 (3): 07-09.

Ngọn lửa đáp ứng các tiêu chuẩn sắc nét của vật chất dựa trên sự vượt qua tinh tinh. (Marimpoda) Sở thú J. Natmore Satd 4 (1): 173-174. DOI: 10.22271/J Into.2016.V 4.I 1 C.802

Samaria vs. Supeshel Anzalats trên Totimih (Sparrow Bologna: Olia Tragoni) J. Ntomore Zoo Satd 4 (1): 386-387.

Sở thú Jay Ntomore nhân tạo, xinh đẹp trong thời gian thực tại Trung tâm Côn trùng Thiên niên kỷ (Spiroborida: Tregonoulida) được thiết kế để ngăn chặn 4 (1): 487-490. DOI: 10.22271/J Vào.2016.V 4.I 1 G.847

Mi. 2016. Gono Pod Mahanica vs. Centralny Borshiya Cook (Смلро لолда: لримоно للда) II Sliga J Natnomore Zal-Satd 4 (2): 152-154. DOI: 10.22271/J Vào.2016.V 4.I 2 C.890

Mối quan hệ giữa nam và nữ ở De Propuda sau khi sao chép: Alkoc Review (1994) Đối tác Jay Natmore Zoo Satd 4 (2): 283-285 Dự đoán các giả định bảo tồn.

Trung tâm nằm nặng và rộng của phụ nữ Millennial Artemis (Spiro Bolida: Tregonouliada) J. Ntomore Zoo Satd 4 (2): 509-510.

Купер MI 2016. Đôi vs Millennium Big Centre kvôli zámene Artemis (Спіро Боліда: Тригонуліда) J Antomore Silsted 4 (3): 86-87. DOI: 10.22271/J Into.2016.V 4.I 3 B.961

Тасар Пад Боруссі Кук (Спіро Болодія: Тригоніда) Sở thú J. Natmore Satd 4 (3): 385-386.

Підтвердження Borussia Cook Central (Спіро Боліда: Тригоні Уліда) засноване на оновленні Gonuppod J Natmore Zoo Satd 4 (4): 389-391.

1990 - đứng thứ bảy.

Tinh trùng viết tắt Borsia Artemis (Sparrow Bolida: Tregonoulida) J. Nattomore Zoo Satd 4 (4): Ném vào giữa 394-395.

Trong đầm lầy, bạn tình thời gian chúng ta được bảo vệ bởi những kẻ săn mồi trong vùng nước bán mặn trung tính của aposito Hàng triệu mét J. Nattomore Zoo Satd 4 (6): 483-484.

So với 18 cặp, mối quan hệ giữa các trụ cột chính của ngôn ngữ là The Pfsphec J. Natmore Zoo Satd 4 (6): 504-505.

Con cái có kiểm soát thời gian giao phối trên chân không?

Polinus Amprant (Artemis) J. Natmore Zoo Satd 4 (6): Ảnh hưởng của trọng lượng cơ thể nam giới đối với thời kỳ giao phối trong khoảng 804-805. DOI: 10.22271/J Vào.2016.V4.I6 K.08

Minh họa trung tâm (Artemis) J. Nattomore Zoo Satd 4 (6): Xung đột tình dục trong quá trình giao phối trong 852-854.

Bàn tay giữa nhỏ (artemis) J Natmore Zoo Satd 5 (1): Tác dụng của chiều rộng cơ thể phụ nữ trong quá trình kết hợp với 732-733.

Kích thước vô số nhân giống rất quan trọng đối với Jay Natmore Zoo Satd 5 (2): 207-208.

Фізичність відносин порівнюється з 18 симбіотичними тілами в Midpolosi Ruột (Pokoc) Sở thú J Natmore Sat5 (2): 1558-1560 DOI: 10.22271 / JN2.2017.V5.I 2U.04

2017۔ Quan hệ tại Trung tâm Bolus Phogoidis (Lawrence) 18 J. Ntomore Zal-Sted 5 (3): 77-79.

Trung tâm rúp PFIS (Atms) Kích thước 18 Symbiotic J Natmore Zoo Satd 5 (3): So với 180-182.

Sinh sản và truyền dịch tình dục trong kilopod của côn trùng J Natmore Zoo Sat5 (3): 1264-1266 DOI: 10.22271 / JN2.2017.V5.I3 R.03 http://www.coursehero.com/file/56889696

Đảng Cộng hòa črvom — ксло Podoff J. Antomore Silsted 5 (3): 1720-1722 DOI: 10.22271/JN2.2017.V5.I 3X.03

Koper M 2017. Renshaw Power vs. Bols J. Natmore Center Zal-Sted 5 (6): 2408-2410.

Chieft (Diplopoda) J. Nattomore Zoo Satd 6 (1): Đo lường liên tư nhân về rối loạn động vật với 91-96.

Rối loạn tình dục thuốc (Diplopoda) ở hàng ngàn mét động vật J. Nattomore Zoo Satd 6 (1): 613-616.

Diplubuda (Altroboda) J. Natumore Zoo Satd 6 (1): 1582-1587 DOI: 10.22271 / JN2.2018.V6.I 1V.07 Trong Phụ nữ và từ chối chính phủ Renshaw

Trigoni Allied Reinsh J. Natmore Zoo Satd 6 (3): Hai tiểu bang có kích thước để tiêu diệt 1232-1234.

Koper Mi 2018 Obeg Cactus (Lawrence, 1967) Medina Road J Natmore Race 3 (4): 20 - 21.

Koper M 2018. Đánh giá nghiên cứu trung tâm cứu hỏa Chieft (Diplopoda: Tricotank Polje) J Natmore Zal Draw 6 (4): 126-129 DOI: 10.22271 / JN2.2018.V6.I 4.2.06

لентр لнуса (لрмстронм aртес, 1934) zvrátil Difinito. 1569-1572 DOI: 10.22271/J Vào.2018.V 6.I 4.13.16

Koper M 2018. Middle State The vi phạm quy tắc của Renshaw, 7 (3): 48-52

The Koper M 2018 Borussia Dortmund được xếp hạng 19 trong những năm 1990 vào những năm 1990.

Koper M 2018. Corumol Lawrence (Chuột, 1966) Monomorphini Mias Zalankono C7 (4): 82-86

21 trung tâm được xác nhận dựa trên dữ liệu chiều dài và chiều rộng (Diplopoda: Pacholida) bốn trang.

Do sự khác biệt về chiều rộng saguan ngang, kích thước của sagatines chính là P. F.C. J. Natmore Zoo Satd 6 (6): 275-277.

Купер М. 2018. Повне проміжне вимірювання J Natmore Zoo Satd 6 (6): 284-286. Doi: 10.22271/J Vào.2018.V6.I 6.3.07

Koper M 2018. Tùy thuộc vào chiều rộng của hơi nước chính, Sloanus Sloanus Ball J.Z. 3 (1): 003-005.HTPS//Doi.org/10.17352/GJZ.000010

Đánh giá nghiên cứu môi trường hành vi tại Trung tâm Nam Phi (Diplubuda, Spiro Bolida, Pacibolida) Koper M 2019.

Trung tâm Chipotal Đỏ của Lawrence Lawrence, giống như DY Feed, cho thấy sự thay đổi về chiều dài và kích thước của J. Natmore Zoo Satd 7 (2): 1037-1039.

Tách kích thước của việc mở rộng không chu kỳ, chân 8 (2): cho biết sự thay đổi của 80-86.

Centides J Antomore Silstud 7 (3): 763-765 DOI: 10.22271/JN2.2019.V 7.I 3 Sự khác biệt nhỏ về chất lượng M.5267

Bán kinh nghiệm giải thích hoang dã trong hàng triệu trung tâm chất lượng chất lượng J Nattomore Zoo Sat7 (3): 772-774 DOI: 10.22271 / JN2.2019.V 7.I 3m.5269

Năm 1990, đây là lần thứ 10 trong những năm 1990.

Khi Sperm A.K. thay đổi sở thích trong The Koper M 2019. Millennium Encyclopedia (Artemis, 1928) (Depoloboda, Pachebolida) khi J Antomore Silsted 7 (4): 183-186 DOI: 10.22271/JN2.2019.V 7.I4C4

Funkčné — Спіруліна J. Nattomore Zoo Satd 7 (4): 333-335 DOI: 10.22271/JN 2019.V 7.I4 F.5465

Kích thước của trạng thái hoang dã và hướng lựa chọn trong rừng động vật hàng ngàn mét. Lượt đi 8 (3): 102-109

Xu hướng nhiệt độ Trung Úc - Tạp chí Khoa học Động vật 1 (1): 18-22

Xu hướng mưa ở Trung Boles, Úc - thậm chí cả Zoobiological Journal 1 (1)

Tỷ lệ diện tích và kích thước của lá trong rừng phụ thuộc vào kích thước, chân 8 (4): 127-136.

Sáu mô hình julen kích thước của 2 tiểu bang trong hàng ngàn mét. Lượt đi, 8 (4): 137-142

Một liên kết liên tục giữa chất lượng mì ống hoang dã và thời gian kết hợp. 9 (1): 15-20

Người hút thuốc và vát cho thấy đàn ông dài hơn ở giữa, chân 9 (1): 21-26

Tám xương rồng J. Natmore Zoo Satd 8 (2): Xu hướng vĩ độ cho 122-127.

Xu hướng theo chiều dọc là trọng tâm của tám loại thực tập sinh, đầu tư J-Zall. 6 (1): 58-64.ttp//doi.org/10.33745/ajji.2020.v0601.005

Một nửa trung bình, 9 (2): Những thay đổi về hình thái và thời gian sinh sản của động vật 63-67

Năm 1996, đây là lần thứ 19 vào năm 1990-1970-1970.

Coper M. In Transgender năm 2021.1897, Trung tâm Ẩm thực (Diplopoda: Pachibolida) Press Student, Maurisios, 1-56.

Năm 1897, Trung tâm Cook được phân loại về kích thước, với các nhà khoa học dẫn đầu Mauritius 1-52.

Koper M 2021. 1897 (Diplubuda: Pachibolida) Kịch bản Santhia Maurice 1-52 ISBN: 978-620-3-50729-4

1999 - 2006 - Thẳng thắn

2008 - 2008 - Không tổ chức trận đấu.

1996 - 2006 - Thẳng thắn

Купер М. 2021. Yên Tespachova AMI Italydzep співати Siva Zeminoch Vilkochi U *Centrobolus* Cook, 1897 (Diplubuda: Pachbolida) Синтія Сценарій Моріс 1-52 ISBN: 978-620-3-50733-1

Saint-Yohanup là một thị trấn ở tỉnh Yun, thuộc vùng Champagne-Ardenne ở phía bắc miền trung nước Pháp.

Купер М 2021.1897, *Cook Ovo* Centrum A1897 (Diplubuda: Pachebolida) Синтія Сценарій Моріс 1-52 ISBN: 978-620-3-50728-7

Năm 1897, trung tâm nấu ăn có sẵn với các kích cỡ khác nhau (Diplubuda: Pachibolida), một phiên bản mới của Mauritius 1-52.

Trung tâm Koper M 2021.Ohoka, 1897 (Diplopoda: Pachibolida).

Năm 1897, kích thước của trung tâm món ăn (Diplubuda: Pachibolida) Nhà báo Mauritius 1-52.

Một nghiên cứu mới được công bố 1-56 bởi Mauritius đã biến thời gian giao phối thành một kg vỏ côn trùng.

Năm 1897, Trung tâm Cook có kích thước khác nhau (Diplubuda: Picolida), Nhà xuất bản Học thuật, Mauritius, Tây Ban Nha, 1-56.

Năm 1897, vị trí tại Trung tâm Diploboda (Picolida) đã đặt kiến thức Mauritius của chúng tôi 1-56.

Thay đổi thời gian trộn lẫn trong côn trùng côn trùng, ấn phẩm giáo dục Tây Ban Nha Mauritius 1-56. Số ISBN: 978-620-3-03965-8.

*ентр Кука,* 1897 in size type (Diplubuda: Pachi Bolida) Морсус, Судвг Дюхер Враг Хохшул Шрівтен 1-52.

Koper M 2021. Năm 1897, Trung tâm Kokovsky (Diplopoda: Pachbolida) Eddie Skeusny Safianza Maurice 1-52 ISBN: 978-620-3-54958-4.

Koper M. 2021. 1897 tại Trung tâm Nhà tù (Diplubuda: Pachibolida).

The Koper M 2021.1897 Culinary Center (Diplubuda: Picolida) là trung tâm thứ 10 vào năm 1990.

Năm 1897, trung tâm của các món ăn đã thay đổi (Diplopoda: Picolida) và kích thước chuyển giới. Số ISBN: 978-620-3-50735-5.

Năm 1897, Trung tâm Ẩm thực (Diplopoda: Pachbolida) đã ăn lại kiến thức Mauritius của chúng tôi 1-52.

Kích thước 1897 (ڈیپلوپوڈا: پاچیبولیڈا) 1-52.

Thời gian sinh sản của xương rồng đen khác nhau. Ibn: 978-3-8416-3326-2.

Năm 1990, ông là Tổng thống thứ 11 của Hoa Kỳ, và năm 1988, ông là Tổng thống thứ 18 của Hoa Kỳ.

Cooper chúng ta đến năm 2021. Số Ibn: 978-620-3-59606-9

Năm 1897, kích thước của trung tâm món ăn (Diplubuda: Pachibolida) là 1-52.

Trung tâm món ăn 1897 chỉ định kiến thức của chúng tôi về các kích cỡ khác nhau (Diplubuda: Pachibolida) Mauritius ở 1-52.

Kích thước 1897 (ڈیپلوپوڈا: پاچیبولیڈا) 1-52.

Купер М 2021.K. OpitinutenenpaOripi Rupi RoperonionpointCapitalorant, 1897 (Uranxlo... Giải thưởng: Capitolaokeyoоо) Сккнсяя Скриптя, Морддус.

*Trong Center Cook,* 1897, Sort Size (Diplubuda: Pachi Bolida) đã xuất bản kiến thức của chúng tôi về Mauritius 1-52.

Kích thước ở trung tâm của Borussia Cook, 1897 (Diplubuda: Pachibolida) 1-52.

Coper M 2021 *Serobolus* Kick Bogt Ever, 1897 (Diplubuda: Pacchibolida) Lambert Mauritius Academic Media 1-52.

Trường học Ý xây dựng 1-52 để thay đổi thời gian trộn trong 100 cây xương rồng.

Thời gian sinh sản của côn trùng xương rồng thay đổi từ Mauritius, Sudog Dukher Virago Favir Hochshol Shrutoton 1-52.

Lựa chọn bí ẩn của nhiều kết hợp, siêu ăng và các chất trong bọ cánh cứng lá (Colotela: Vase Mums). Trong sự phát triển của hệ thống nhân giống côn trùng và nhện (KaiJC, Crispy BJ), Nhà xuất bản của Đại học Cambridge

Annsm, Pinkston R 1995. Xung đột giao phối tình dục: Bằng chứng về giả định bảo vệ đối tác Sinh thái học hành vi và Sinh học xã hội, 36 (2): 71-81

Elgar 1995 Mùa sinh sản nhện: Cách so sánh Bảo tàng Bổ sung Tây Úc, 52 (1): 1-11

Engelquest L, Saul K.P. 2003۔ Để loại bỏ sự chuyển tinh trùng trong *cognex bọ cạp pnopa: ngoại hình nam giới,* trạng thái vật chất và thời gian giao phối. Tạp chí Tiến hóa học, 16 (6): 1196-1204

Funk Om, Watch Jammu, Coing WD 1997 The Darka prírodnßch sexuálnych Assembly là một hệ thống nhân giống để phát triển hệ thống nhân giống côn trùng như nhện. Huy hiệu Choi Jack (Crisp), (Ed) Cambridge University Press

*Tinh trùng của đối thủ được loại bỏ trong quá trình trộn* những nhật ký này của Nebrio Moreto. Hành vi của động vật, 44:587-589

Graphene A, Ridley M, 1983. Mẫu tạp chí bảo vệ sinh học lý thuyết, 102 (4): 549-567

Cắt anh đi, Futures 1970. *Селн Дреулус Понтатус* Р Паренй Веден'́.

Đĩa CD của Kelly, Gyanon MD. 2016۔ Lý thuyết chủng tộc tinh trùng B: Bách khoa toàn thư tâm lý tiến hóa (Thứ bảy - Shekel Ford V, Shaykel Ford T, Thứ bảy - Shekel ford V, EDS) Sprinklers

Colter odonto để lại một phần *nhỏ của tedusalis* (coloplaste: bó hoa), nhân giống trung và dài hạn, và "Ascot" xuất bản một bản sao của Tạp chí Lịch sử Hành vi Tự nhiên 18:905-919.

Nox Special Scott Mpu 2006 Kích thước, Tỷ lệ giới tính và Bảo vệ đối tác cho chuồng ngựa trẻ em thành công trong môi trường hành vi của Mỹ, 17 (1): 88-96

Giới thiệu về Cua đực Davis NB 1987 Môi trường hành vi Blackwell Scientific Publication, Oxford

La Frank A. Bondeliga J2004 Ảnh hưởng kích thước cơ thể của nam giới và phụ nữ thời kỳ hài hòa và khả năng *sinh* sản của ruồi giấm Milanogas Szydites, 132 (3): 243-247

Về JP Morris, 1969, *Thermobalus Loreur.* Sinh học quan sát (STD, Nha khoa) Brolimen (Diplubuda, Branolida) Cholsky, 24:495-504

Mazy D, Kaisnimi J, Hakara A, tranh chấp tình dục năm 2009 của Klapper trong khi Drusofy kết hợp *với La* Montana: Tại sao tốt hơn để trở nên tốt hơn? Sinh học tiến hóa BMC, 9 (1): 132

Micholický T, Klugel P, qua G2000 Legius Sims Testes (thay đổi: Legadia) Thụ tinh và thụ tinh Tạp chí Côn trùng học châu Âu, 97 (1): 13-18

Mueller, tôi là một apo, Zamora Manuj S. 1997. Bất bình đẳng ăng-ten và thái độ lựa chọn giới tính của cha động vật 54: 1509-1515

Mohu Padya (trong trường hợp Mahu Padya) Mike, Sahek 1981. Quần thể quan sát (polydemide, nghịch lý) của *chất thải chỉnh nha, bản* chất và hành vi tình dục của gỗ và mảnh vụn thối đến một milimet. Bác sĩ nhi khoa, 21: 357-364

Parker Bà Parker chạy trong những năm 1970 và kết quả tiến hóa trong đánh giá sinh học của côn trùng, 45:525-567

Parker, bà Parker, sự linh hoạt tán tỉnh và chăm sóc phụ nữ là những chiến lược đầu tư thời gian của nam giới. Hành vi, 48 (1-4): 157-184

Lựa chọn tình dục Parker và xung đột tình dục với lựa chọn tình dục và cạnh tranh sinh sản của côn trùng vào năm 1979. Bloom Bắc Mỹ) 123-166 Tin tức học thuật, London

Parker Plus, Symans Lee, Stockley P, Mark McCrystal, Chen Alli 1999. Hành vi của động vật, 57 (4): 795-805

Parker Plus, Symans Development Beetle và Parsle Light Mesh trong Flight Natural Fertilizer, 370 (6484): 53-56

Prin J, Elwood Rox, Montgomery Yen 2003. Wednje Field Trials Trực tiếp, 66 (6): 1053-1058

(1989) Sự hiện diện của tinh trùng trong côn trùng: Bốn điểm được xác nhận bởi một, báo Sinh học Lanian, 38:349-367.

Năm 1994, chức năng tinh trùng cơ bắp của Rodriguez v đã thay thế The Butchman (Cooly Potera: (Bouquet: Casidena) côn trùng học vật lý, 19:198-202.

Hành vi của động vật, 41:493-501

Stockley P., 1997. Xung đột tình dục là kết quả của việc thích nghi với sự cạnh tranh khốc liệt. Xu hướng môi trường và tiến hóa, 12:154-159

رلاا ر اے، کس ر، االر ایف، ہارلینڈ ڈبلیو 2005 Chức năng cộng sinh lâu năm của nhện sói pados Agrastis (الاا¹، لیکوسیڈا) đã được nghiên cứu trong các thí nghiệm sinh học có kiểm soát۔

Thích nghi tình dục, hành vi giao phối và giao phối có thể có *ở các loài millipads crosspedo soma* (depolopoda, chudhomatida, crosspedo-matida).

Tadler, tôi là một chức năng ngoại giao của sự phát triển của các chức năng phôi và hình thái học vào năm 1996 - Jeff Roy JJ, Maurice JP, Wu Doy Jacobin [M.](https://sciencepress.mnhn.fr/en/collections/memoires-du-museum-national-d-histoire-naturelle) Moimers Doems National Nature, 169:327-330 Paris ISBN 2-85653-502-X

Keprel (Tôm: Infiboda) Tạp chí Hiệp hội Sinh vật Biển Anh, 90 (2): Ảnh hưởng của kích thước cơ thể, nghề nghiệp và giới tính đối với những người bảo vệ xã hội đã được sản xuất vào năm 275-279

Talford N.Ra., Dangerfield J.M 1990. 1990. Giới tính: Nghiên cứu trong phòng thí nghiệm về lựa chọn tình dục của tạp chí khoa học sinh học, 24:233-238.

The Tailford Doctor, Dangerfield JM, 1993, hành vi sinh sản và thí nghiệm có sẵn trong clopads nhiệt đới (Diplopoda: Spirostreetida), Tạp chí Động vật học Nam Phi, 28 (3), 155-160.

Jar Trafford. Diplopoda: Juleda, Tạp chí Động vật học Nam Phi, 29:266-268

Talford Stryshe, Dangerfield JM 1996. 1996۔ Sự thu thập tự phát của The Savanah Lipids: Với Sdaleki, Sdaleki, Jeff Roy JJ, Maurice JP, [O'Doy. M. Naru de Moon Thời tiết Gorda,](https://sciencepress.mnhn.fr/en/collections/memoires-du-museum-national-d-histoire-naturelle) 169:565-576. 1996 - 1998 - 2008 Không - thứ 10

Traverse RL.1972 Lựa chọn tốt về giới tính và nam giới trong đầu tư của cha mẹ và lựa chọn giới tính 1871-1971 B Campbell), PP 136-179.

Bà Ullah, Sugiben R, Kong Kinson M, Kanoras Roin P. Gottoch T 2017. Chi của hai loài thực vật có liên *quan gần đó, New Seoul Woolrusley và Seolceron* Pnos (Akara: Thực vật học). Thời gian sao chép, chuyển tinh trùng và sinh sản Bệnh lý thực nghiệm và ứng dụng, 71 (1): 47-61

Sự gia tăng thời gian giao phối trước Wachid K, Lihiman O, Gilbert Jed, Liman Guchi 2011.Anzal có liên quan đến tinh trùng lớn và teters dương vật do xếp hạng bánh sandwich trong tự nhiên. 24 (9): 1960-1968.

Zhang Gh, Lee YY, Zhang K.J., Wang Jj, Liu Y.Q., Leo H2016 *New Seoul Copper's* Predator Battle (Akari: Thực vật học) Hệ thống và Khoa học ứng dụng, 21 (3): Sinh sản 295-306, Khả năng sinh sản và tác động của áp suất nhiệt đối với tuổi thọ

Hành vi và quy trình nhân giống của Scorpio-Papolopolon (Macopita: Panupeda) bay qua các *phương* pháp điều trị mới của PLOS 1, 8 (9): E74781